

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; vì mục đích phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích Quốc gia, công cộng; thu hồi, chuyển mục đích trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ trong năm 2016

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-CP, ngày 23/5/2014 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2011 - 2015) tỉnh Phú Yên; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2011 - 2015) của 09 huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh Phú Yên xét duyệt;

Sau khi xem xét Tờ trình số 74 /TTr-UBND, ngày 04/7/2016 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích Quốc gia, công cộng; thu hồi, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; vì mục đích phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích Quốc gia, công cộng; thu hồi chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Phú Yên, với những nội dung chính như sau:

1. Tổng số dự án, công trình cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất: **170** dự án, công trình.

2. Tổng diện tích đất cần thu hồi; chuyển mục đích sử dụng đất: **1.455,04** ha. Trong đó:

- **109** dự án, công trình thu hồi đất (không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng) với tổng diện tích thu hồi đất là **1.281,82** ha (*chi tiết kèm theo Phụ lục số 01*).

- **61** công trình, dự án phải thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, với tổng diện tích thu hồi là **173,22** ha; trong đó:

+ Đất trồng lúa: 33,65 ha (đất chuyên trồng lúa nước: 20,35 ha).

- + Đất rừng phòng hộ: 41,26 ha.
- + Đất rừng đặc dụng: 7,15 ha
- + Các loại đất khác: 91,16 ha.

(Chi tiết kèm theo Phụ lục số 02).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có dự án cấp bách cần phải thu hồi đất sớm, giao UBND tỉnh thống nhất ý kiến với Thường trực HĐND tỉnh trước khi thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TỈNH PHÚ YÊN
giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 42/2016/NQ-HĐND,
ngày 15 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

I. Tên chương trình, cơ quan quản lý, thời gian, phạm vi và đối tượng thụ hưởng

1. Tên chương trình: Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Phú Yên giai đoạn 2016-2020.

2. Cơ quan quản lý: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

3. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2016-2020.

4. Phạm vi và đối tượng thụ hưởng

4.1. Phạm vi thực hiện: Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả tỉnh, trong đó ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho người/hộ nghèo, người/hộ cận nghèo, người/hộ mới thoát nghèo, người/hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn trọng điểm sau:

- Huyện nghèo (theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ);
- Xã nghèo bao gồm:
 - + Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;
 - + Xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi;
- Thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

4.2. Đối tượng thụ hưởng

Người/hộ nghèo, người/hộ cận nghèo, người/hộ mới thoát nghèo, người/hộ dân tộc thiểu số và người dân, cộng đồng trên địa bàn thực hiện chương trình, ưu tiên đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ.

4.3. Đối tượng thực hiện

- Các sở, ngành, địa phương, đơn vị được giao nhiệm vụ để thực hiện các dự án, hoạt động của Chương trình;
- Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, trưởng, phó thôn, buôn, khu phố và cán bộ đoàn thể.

II. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, đặc biệt là ở các địa bàn nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tại các địa bàn nghèo tiếp cận một cách tốt nhất đến các dịch vụ xã hội cơ bản.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Bình quân mỗi năm giảm 2% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới; riêng các xã nghèo, huyện nghèo giảm bình quân 4%/năm; Phấn đấu đến cuối năm 2020, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3%. (có bảng tổng hợp kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 đính kèm).

- Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, cận nghèo bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng lên 2 lần so với cuối năm 2015 (riêng các hộ nghèo ở các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, buôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi tăng gấp 1,5 lần).

2. Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2020

Chỉ tiêu 1: Phấn đấu 50% số xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo tiêu chí; 30% số xã, thôn buôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo tiêu chí.

Chỉ tiêu 2: 192.800 lượt hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay mới từ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, trong đó vay vốn phát triển sản xuất 114.120 lượt hộ; vay vốn hỗ trợ học tập 71.450 lượt hộ; vay xóa nhà ở tạm và phòng chống bão lụt 2.001 hộ và cho vay phát triển rừng 5.300 hộ.

Chỉ tiêu 3: Ít nhất 6.600 lượt hộ nghèo được hỗ trợ phát triển sản xuất và tập huấn về khuyến nông-lâm-ngư, chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ phương tiện, giống vật nuôi, cây trồng để phát triển sản xuất (bình quân mỗi năm 1.320 hộ).

Chỉ tiêu 4: 100% người thuộc diện hộ nghèo, nhân dân sinh sống tại các xã ĐBKK, đồng bào dân tộc thiểu số vùng khó khăn được cấp thẻ BHYT và 90% người thuộc hộ gia đình cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế.

Chỉ tiêu 5: Hỗ trợ 1,750 hộ nghèo xóa nhà ở tạm.

Chỉ tiêu 6: Trên 95% số trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong độ tuổi đi học được đến trường.

Chỉ tiêu 7: 100% xã thuộc phạm vi của Chương trình có cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền công đồng;

Chỉ tiêu 08: 100% cán bộ, công chức xã, trưởng thôn, buôn và cán bộ đoàn thể được tập huấn một số kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án; lập kế hoạch có sự tham gia; và xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng...

3. Giải pháp thực hiện giảm nghèo bền vững

3.1. Nhóm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất, cải thiện thu nhập

a) Chính sách tín dụng cho hộ nghèo:

- Nội dung thực hiện: Cho vay tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất, Chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên và cho vay xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo.

- Đối tượng cho vay: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

- Kế hoạch thực hiện:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất: Cho vay lượt 114.120 hộ. Tổng dư nợ đến cuối năm 2020 đạt 1.389 tỷ đồng.

+ Đối với cho vay hỗ trợ học sinh, sinh viên: Cho vay lượt 71.450 sinh viên. Tổng dư nợ đến cuối năm 2020 đạt 410 tỷ đồng.

+ Đối với cho vay hỗ trợ xóa nhà ở tạm; nhà ở phòng chống bão lụt: Cho vay 2.001 lượt hộ. Tổng dư nợ đến cuối năm 2020 đạt 75 tỷ đồng.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: CN Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp: Các tổ chức hội đoàn thể, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục - Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Xây dựng và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững:

- Mục tiêu: Hộ nghèo tham gia mô hình chậm nhất trong 03 năm phải thoát nghèo bền vững.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng một số mô hình giảm nghèo bền vững, nhằm giúp cho một bộ phận hộ nghèo phát huy nguồn lực tại chỗ, đầu tư sản xuất, lựa chọn giống và vật nuôi cây trồng có năng suất cao, phù hợp với lợi thế vùng sinh thái, tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập, giúp hộ gia đình vượt nghèo bền vững.

+ Nhân rộng các mô hình giảm nghèo đã được thử nghiệm thành công khác do các địa phương hoặc các tổ chức quốc tế đã thực hiện.

- Đối tượng : Hộ nghèo có nguồn nhân lực và các điều kiện khác để triển khai mô hình nhưng thiếu vốn, thiếu kiến thức tổ chức sản xuất và sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ.

- Kế hoạch thực hiện: Tổng số hộ tham gia dự án 1.200 hộ.

- Kinh phí thực hiện: 10.000 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương hỗ trợ : 5.000 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh hỗ trợ 5.000 triệu đồng (mỗi năm 1.000 triệu đồng, bằng với mức hỗ trợ theo Nghị quyết 24/2011/NQ-HĐND tỉnh giai đoạn 2011-2015).

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp-PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã nghèo ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo:

- Địa bàn thực hiện: Năm 2016 tiếp tục triển khai thực hiện 12 xã nghèo đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển gồm: Xã Hòa Hiệp Nam, xã Hòa Tâm huyện Đông Hòa; xã An Chấn, xã An Hòa, xã An Ninh Đông, xã An Cư, xã An Hiệp, xã An Ninh Tây và xã An Hải huyện Tuy An; xã Xuân Thọ 2, xã Xuân Phương, xã Xuân Thịnh thị xã Sông Cầu. Từ năm 2017 – 2020 sẽ triển khai thực hiện tại các địa bàn theo quyết định phê duyệt của Chính phủ.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện đầu tư và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu tại địa bàn dự án theo danh mục phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

+ Xây dựng cơ chế lồng ghép giữa nguồn vốn hỗ trợ của chương trình với các nguồn vốn từ các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác như chương trình nông thôn mới,

- Kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ. Định mức và cơ chế thực hiện đúng theo văn bản hướng dẫn của trung ương .

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan thực hiện, phối hợp: UBND các huyện, thị xã, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Xây dựng, Tài chính.

d) Đề án phát triển kinh tế-xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững cho 02 huyện nghèo theo Quyết định 293/QĐ-TTg cơ chế Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP:

- Địa bàn thực hiện: Huyện Sông Hinh và huyện Đồng Xuân.

- Nội dung:

+ Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở các huyện nghèo.

- Thời gian thực hiện: 2016-2017.

- Kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Đề án được duyệt.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND huyện Sông Hinh và UBND huyện Đồng Xuân.

e) Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và nâng cao năng lực các xã đặc biệt khó khăn; các thôn đặc biệt khó khăn (Chương trình 135):

- Nội dung:

+ Hỗ trợ đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn; các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng cơ sở ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

+ Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn; các thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Địa bàn thực hiện: 18 xã và 30 thôn (có danh sách đính kèm)

- Kế hoạch kinh phí: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Ban Dân tộc

+ Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp-PTNT, Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã có xã, thôn đặc biệt khó khăn.

g) Chính sách hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập, đa dạng hóa sinh kế, giảm nghèo dựa vào cộng đồng trên địa bàn các xã nghèo ĐBKK vùng bãi ngang ven biển, Chương trình 30a và Chương trình 135:

- Nội dung:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, hàng hóa gồm: Giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn gia súc; Máy móc, thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; Chi phí làm chuồng trại chăn nuôi, ao nuôi, lồng bè, sân phơi, cát sẫm, kho chứa, bạt; Chi phí tiêm phòng gia súc.

+ Xây dựng một số mô hình giảm nghèo bền vững, nhằm giúp cho một bộ phận hộ nghèo phát huy nguồn lực tại chỗ, đầu tư sản xuất, lựa chọn giống và vật nuôi cây trồng có năng suất cao, phù hợp với lợi thế vùng sinh thái, tạo việc làm tại chỗ, tăng thu nhập, giúp hộ gia đình vượt nghèo bền vững.

- Kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Phân công thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Cơ quan phối hợp: Ban Dân tộc, Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã có xã, thôn đặc biệt khó khăn.

3.2. Tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội

a) Chính sách hỗ trợ về y tế:

- Nội dung thực hiện:

+ Cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người nghèo, cận nghèo (nhóm đối tượng theo Quyết định 705/QĐ-TTg) và đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) đang sinh sống tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và người dân đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (ĐBKK).

+ 4.2.1. Hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người thuộc diện hộ cận nghèo (không bao gồm đối tượng nhà nước hỗ trợ 100% chi phí mua thẻ BHYT theo quyết định 705/QĐ-TTg). Trong đó ngân sách Trung ương hỗ trợ 70% kinh phí mua BHYT, ngân sách tỉnh hỗ trợ 20% kinh phí mua BHYT và người thuộc diện cận nghèo tham gia đóng góp 10%.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo và đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo.

- Kế hoạch thực hiện: mỗi năm thực hiện 305.000 người, trong đó:

+ Người nghèo, đồng bào DTTS vùng khó khăn và Người dân sống vùng ĐBKK: 245.000 người.

+ Người thuộc diện cận nghèo: 60.000 người, trong đó: Người cận nghèo không thuộc diện hỗ trợ 100% chi phí BHYT theo Quyết định 705/QĐ-TTg là 25.000 người.

- Kinh phí thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ. Riêng đối với ngân sách tỉnh hỗ trợ 20% chi phí BHYT cho hộ cận nghèo trong 5 năm là:

$25.000 \text{ người} \times 621.000 \text{ đ/người/năm} \times 20\% \times 5 \text{ năm} = 15.525 \text{ triệu đồng.}$

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Y tế.

+ Cơ quan phối hợp: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Ban Dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Chính sách hỗ trợ về giáo dục:

- Nội dung thực hiện: Triển khai thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

- Kế hoạch thực hiện: Số học sinh được hỗ trợ hàng năm là: 31.500 học sinh. Trong đó: Miễn giảm học phí: 17.100 học sinh; Hỗ trợ chi phí học tập: 14.400 học sinh.

- Ngân sách thực hiện: Do ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Ban Dân tộc và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

c) Chính sách hỗ trợ xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo:

- Nội dung thực hiện: Thực hiện hỗ trợ xóa nhà ở tạm cho hộ nghèo, đảm bảo đạt chuẩn theo qui định của Bộ Xây dựng.

- Đối tượng: Là hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020, có tên trong danh sách hộ nghèo do UBND cấp xã quản lý và là hộ độc lập có thời gian tách hộ tối thiểu là 05 năm.

- Điều kiện hỗ trợ: Thỏa mãn các điều kiện sau đây:

+ Chưa có nhà ở, đang ở nhờ hoặc thuê; hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, dột nát, có nguy cơ sập đổ, hiện không ở được và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

+ Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác. Trường hợp đã được hỗ trợ xây dựng nhà ở nhưng có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm nhận hỗ trợ, hiện nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát hoặc có nguy cơ sập đổ thì vẫn được xem xét hỗ trợ.

Riêng đối với những hộ gia đình nghèo cao tuổi, nhưng vẫn còn con có nhà ở ổn định và đang sinh sống cùng địa bàn thì không hỗ trợ.

- Mức hỗ trợ: 40 triệu đồng/hộ. Riêng đối với hộ nghèo có tên trong danh sách hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thì ngoài mức hỗ trợ nêu trên được vay ưu đãi vốn ngân hàng chính sách xã hội với mức tối đa 25 triệu đồng để xây dựng nhà ở.

- Kinh phí thực hiện: Từ Quỹ ngày vì người nghèo các cấp. Riêng ngân sách tỉnh bổ sung quỹ xóa nhà tạm cho hộ nghèo mỗi năm 2.000 triệu đồng.

- Kế hoạch thực hiện: 1.750 hộ, trong đó:

+ Quỹ ngày vì người nghèo các cấp và các nguồn huy động khác do Ủy ban Mặt trận TTQVN tỉnh quản lý: 1.000 hộ.

+ Quỹ xóa nhà ở tạm tỉnh: 250 hộ.

+ Nguồn vốn huy động khác: 500 hộ.

- Tổ chức thực hiện:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác xóa nhà ở tạm trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và HĐND tỉnh. Chủ trì triển khai thực hiện Quỹ xóa nhà ở tạm của tỉnh.

+ Sở Xây dựng: Chủ trì hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

+ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chủ trì hỗ trợ xây dựng nhà ở đối với Quỹ Ngày vì người nghèo và các nguồn huy động khác do Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh quản lý.

d) Chính sách truyền thông giảm nghèo và giảm nghèo về thông tin:

- Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến các kinh nghiệm, gương điển hình;

+ Xây dựng, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên về giảm nghèo từ tỉnh tới địa phương, cơ sở;

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở;

+ Phát triển, tăng cường hoạt động Trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Kinh phí thực hiện: Do nguồn ngân sách trung ương.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

+ Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin truyền thông, các cơ quan thông tin đại chúng, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Hoạt động giảm nghèo về thông tin:

Nội dung:

+ Đào tạo kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở;

+ Hỗ trợ phương tiện nghe, xem cho các hộ nghèo tại các đảo xa bờ, vùng sâu, vùng xa;

+ Trang bị phương tiện tác nghiệp phục vụ thông tin cổ động tại huyện, xã;

+ Xây dựng các điểm tuyên truyền, cổ động cố định ngoài trời;

- Kinh phí thực hiện: Do nguồn ngân sách trung ương.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và truyền thông

+ Cơ quan phối hợp: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

3.3. Nâng cao năng lực và nhận thức

a) Dự án đào tạo cán bộ làm công tác giảm nghèo:

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, thôn và cán bộ các hội đoàn thể.

+ Tổ chức cho các thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp, thành viên tổ chuyên viên giúp việc tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức về đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo. Đồng thời tổ chức các đợt trao đổi, học tập kinh nghiệm ở một số tỉnh thành có nhiều mô hình hiệu quả trong công tác giảm nghèo.

- Kinh phí thực hiện: Do nguồn ngân sách Trung ương.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Các tổ chức hội đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, TP.

b) Hoạt động giám sát đánh giá dự án:

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng khung theo dõi giám sát, đánh giá chính sách giảm nghèo theo các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình;

+ Xây dựng kế hoạch và phân công thành viên Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức việc theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo hàng năm ở các cấp;

+ Theo dõi, giám sát đánh giá chương trình.

- Kế hoạch kinh phí thực hiện: Do nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp, tổ chuyên viên giúp việc BCD.

c) Hoạt động quản lý chương trình:

Tiếp tục thực hiện các nội dung theo dõi quản lý chương trình như Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về phê duyệt chương trình mục tiêu việc làm và giảm nghèo giai đoạn 2011-2015, cụ thể là:

- Nội dung thực hiện:

+ Điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm làm cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Thiết lập cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, nâng cao năng lực vận hành hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá và cập nhật thông tin về giảm nghèo.

+ Tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết, đánh giá giữa kỳ và tổng kết 5 năm thực hiện Đề án.

+ Kiện toàn Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp và tổ chuyên viên giúp việc cho Ban chỉ đạo cấp tỉnh. Tiếp tục duy trì 02 cán bộ hợp đồng chuyên trách làm công tác giảm nghèo cấp tỉnh. Cử cố đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã. Mỗi xã có 01 cán bộ làm công tác giảm nghèo (kiêm nhiệm).

+ Mức phụ cấp cho thành viên Ban chỉ đạo giảm nghèo và tổ chuyên viên cấp tỉnh:

Ban chỉ đạo cấp tỉnh và tổ chuyên viên giúp việc cấp tỉnh 150.000 đồng/người/tháng.

Ban chỉ đạo cấp huyện, thị xã, thành phố và tổ chuyên viên giúp việc: 100.000 đồng/người/tháng.

Phụ cấp kiêm nhiệm cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã: 350.000 đồng/người/tháng.

- Kinh phí thực hiện: 1.338 triệu đồng/năm x 5 năm = 6.694 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 3.170 triệu đồng.

+ Ngân sách huyện, thị xã, thành phố: 3.524 triệu đồng (chi hoạt động Ban chỉ đạo cấp huyện, thị xã, thành phố và tổ chuyên viên giúp việc và phụ cấp kiêm nhiệm cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã).

- Tổ chức thực hiện:

+ Cơ quan chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ Cơ quan phối hợp: Thành viên BCD tỉnh, UBND các huyện, TX, TP.

4. Kinh phí thực hiện

Căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và Nghị quyết của HĐND tỉnh, hàng năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp cùng các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán ngân sách gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình UBND tỉnh, báo cáo HĐND tỉnh xem xét phê duyệt, đồng thời báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí ngân sách Trung ương để triển khai thực hiện.

- Ngân sách Trung ương: Thực hiện theo nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và các chính sách hiện hành về giảm nghèo bền vững.

- Ngân sách tỉnh: 29.804 triệu đồng (bình quân mỗi năm 5.961 triệu đồng).

- Ngân sách huyện: 3.524 triệu đồng.

- Huy động khác: 71.634 triệu đồng.

(có bảng tổng hợp đính kèm)

Giảm nghèo bền vững là một trong những vấn đề xã hội rất quan tâm, chương trình được triển khai thực hiện thông qua hệ thống chính sách cụ thể, vì thế cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các tổ chức hội, đoàn thể và sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là sự nỗ lực vươn lên của chính bản thân người nghèo. Để đạt được mục tiêu đề ra, Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo và triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên, tạo nên một phong trào sâu rộng trong tất cả các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể và nhân dân về công tác giảm nghèo, đồng thời rất mong sự quan tâm giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, tạo điều kiện thuận lợi để Phú Yên hoàn thành tốt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI đã đề ra, phấn đấu đưa Nghị quyết của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

Phụ lục số 01

DANH MỤC

CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND, ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha)				Địa điểm thực hiện, dự án, công trình		Ghi chú
		Tổng diện tích khoảng (ha)	Trong đó			Xã, phường, thị trấn	Huyện, TX, TP	
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
	TỔNG CỘNG	1281.82	1233.44	43,25	5,13			
I	THỊ XÃ SÔNG CẦU	26,97	10,58	16,40	0,00			
1	Nhà quản lý và các công trình phụ, nạo vét bề tiêu năng và đoạn kênh dẫn sau công lấy nước, sửa chữa cụm điều tiết sau cống lấy nước	0,08	0,08			Xuân Bình	Sông Cầu	Thông báo số 613/TB-UBND ngày 11/11/2013 của UBND thị xã về thu hồi đất
2	Nhà văn hóa và khu thể thao thôn Hòa Hội (hạng mục: Nhà văn hóa)	0,02	0,02			Xuân Cảnh	Sông Cầu	Quyết định số: 2330/QĐ - UBND ngày 19/05/2015 của UBND Thị xã Sông Cầu về phân bổ vốn NTM

3	Kè chống sỏi lở khu dân cư Phú Vĩnh	0,03		0,03		Xuân Đài	Sông Cầu	Thông báo số 12/TB-HĐND ngày 28/4/2016 của HĐND thị xã Sông Cầu v/v chấp thuận chủ trương đầu tư công trình : Kè chống sỏi lở khu dân cư Phú Vĩnh
4	Trụ sở khu phố Vạn Phước	0,02		0,02		Xuân Thành	Sông Cầu	QĐ số 76/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 của UBND phường Xuân Thành về chủ trương đầu tư công trình
5	Tuyến đường dọc Vịnh Xuân Đài - Khu du lịch Nhất Tụ Sơn	10,63	0,22	10,42		Xuân Thành	Sông Cầu	Quyết định 27/QĐ-HĐND ngày 30/10/2015 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương dự án
6	Hạ tầng thủy sản Long Thạnh	10,50	10,26	0,24		Xuân Lộc	Sông Cầu	Quyết định 29/QĐ-HĐND ngày 30/10/2015 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương dự án
7	Kè chống xói lở phường Xuân Thành	1,69		1,69		Xuân Thành	Sông Cầu	Quyết định 30/QĐ-HĐND ngày 30/10/2015 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương dự án
8	Công viên phía Bắc trung tâm thị xã Sông Cầu	4,00		4,00		Xuân Yên	Sông Cầu	Quyết định 10540/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND thị xã về việc phê duyệt chủ trương công trình
II	HUYỆN SƠN HÒA	27,87	25,88	0,05	1,94			
9	Nhà máy viên nén năng lượng (cụm CN Ba bản. Doanh nghiệp tư nhân Kim Ngọc Khánh)	0,45	0,45			Sơn Hà	Sơn Hòa	Thỏa thuận kiến trúc quy hoạch số 04/KTQH ngày 16/7/2015 của UBND huyện Sơn Hòa
10	Nhà máy sản xuất viên nén xuất khẩu An Hoàng (cụm CN Ba bản. Công ty TNHH SX VLXD Bích Hợp)	0,30	0,30			Sơn Hà	Sơn Hòa	Thông báo số 206/TB-UBND ngày 15/01/2015

11	Nâng cấp, cải tạo QL25. LG42(Km36 đến cầu sông Con)	7,50	7,26	0,24	Sơn Hà	Sơn Hòa	Thông báo số 775/TB-UBND ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh Phú Yên V/v thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL 25 qua địa phận tỉnh Phú Yên
12	Nâng cấp, cải tạo QL25. đoạn từ chợ Suối Bạc đến ngã tư Cây Me	10,08	10,08		Suối Bạc	Sơn Hòa	Thông báo số 775/TB-UBND ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh Phú Yên V/v thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL 25 qua địa phận tỉnh Phú Yên
13	Di dời dân cư vùng sạt lở Sông Ba	3,50	3,00	0,50	Củng Sơn	Sơn Hòa	Thông báo số 35/-UBND ngày 30/6/2015 của UBND huyện Sơn Hòa
14	Khu tái định cư 5 hộ	0,19	0,19		Phước Tân	Sơn Hòa	Thỏa thuận kiến trúc quy hoạch số 05/KTQH ngày 07/8/2015 của UBND huyện Sơn Hòa
15	Mở rộng giáo xứ Sơn Nguyên	0,59	0,54	0,05	Sơn Nguyên	Sơn Hòa	Công văn số 5340/UBND-VX ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh Phú Yên.
16	Trường Trung học cơ sở xã Phước Tân	1,00	1,00		Phước Tân	Sơn Hòa	Thông báo số 278/TB-UBND ngày 05/10/2015 của UBND huyện Sơn Hòa
17	Trường Tiểu học xã Sơn Hội	1,20	1,20		Sơn Hội	Sơn Hòa	Thông báo số 278/TB-UBND ngày 05/10/2015 của UBND huyện Sơn Hòa
18	Trường Trung học cơ sở xã Sơn Định	1,50	1,50		Sơn Định	Sơn Hòa	Thông báo số 341/TB-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện Sơn Hòa
19	Trường Trung học cơ sở xã Suối Trai	1,20		1,20	Suối Trai	Sơn Hòa	Thông báo số 23/TB-UBND ngày 03/3/2015 của UBND huyện Sơn Hòa
20	Nhà Văn hóa xã Sơn Xuân	0,30	0,30		Sơn Xuân	Sơn Hòa	Thông báo số 344/TB-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện Sơn Hòa
21	Trạm y tế xã Phước Tân	0,06	0,06		Phước Tân	Sơn Hòa	Thông báo số 338/TB-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện Sơn Hòa

III	HUYỆN ĐÔNG HÒA	1,79	0,87	0,78	0,14			
22	Đường gom phía Tây TT Hòa Vinh. Đông Hòa (đoạn từ nút giao trục Đông Tây đến đối diện trụ sở UBND thị trấn Hòa Vinh)	0,80	0,60	0,20		Hòa Vinh	Đông Hòa	TB số 226/TB-UBND. ngày 03/5/2012 của UBND huyện Đông Hòa V/v Cho phép lập thủ tục chuẩn bị đầu tư công trình
23	Nâng cấp. mở rộng đường 22 TT. Hòa Hiệp Trung	0,34	0,20	0,14		Hòa Hiệp Trung	Đông Hòa	TB số 305/TB-UBND. ngày 17/7/2013 của UBND huyện Đông Hòa V/v thu hồi đất để thực hiện xây dựng công trình; QĐ số 778/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND huyện Đông Hòa V/v Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.
24	XD văn phòng cho các Tổ đồng quản lý (gói thầu XL-09) thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh PY	0,14			0,14	Hòa Hiệp Trung	Đông Hòa	TB 762/TB-UBND ngày 26/10/2015 V/v chấp thuận đề nghị của Sở KH&ĐT về triển khai lập thủ tục đầu tư đối với các tiểu DA. gói thầu thuộc dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh PY (nguồn vốn của Hiệp hội phát triển quốc tế
25	NVH thôn Mỹ Hòa	0,07	0,07			Hòa Hiệp Bắc	Đông Hòa	QĐ số 1379/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của UBND huyện Đông Hòa V/v phân bổ vốn TPCP năm 2015 thực hiện CT MTQG và XD NTM
26	Trụ sở tiếp công dân Huyện	0,12		0,12		Hòa Vinh	Đông Hòa	Quy hoạch chung (Thông báo số 127/TB-UBND. ngày 06/4/2016 của UBND huyện Đông Hòa Thông báo kết luận và chỉ đạo của Quyền Chủ tịch UBND Huyện tại Hội nghị UBND huyện thường kỳ tháng 3 năm 2016

27	Lắp máy 02 trạm biến áp 110 kv Hòa Hiệp	0,32		0,32		Hòa Tâm, Hòa Hiệp Bắc, Hòa Hiệp Trung, Hòa Hiệp Nam	Đông Hòa	Quyết định số 7534/QĐ-BCT ngày 10/12/2012 của Bộ Công thương
IV	HUYỆN TUY AN	11,69	11,48	0,16	0,05			
28	Thao trường bắn, thao trường huấn luyện của cơ quan quân sự huyện	0,49	0,49			TT Chí Thạnh	Tuy An	Quyết định số: 1406/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND huyện Tuy An
29	Hội trường UBND xã An Nghiệp	0,15	0,15			An Nghiệp	Tuy An	Quyết định số: 1197/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND huyện Tuy An
30	Trường mầm non xã An Nghiệp	0,40	0,40			An Nghiệp	Tuy An	Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND huyện Tuy An
31	Chợ mới xã An Nghiệp	0,16		0,16		An Nghiệp	Tuy An	Quyết định số: 1211/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của UBND huyện Tuy An
32	Nhà văn hóa thôn Mỹ Phú 2	0,10	0,10			An Hiệp	Tuy An	Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND huyện Tuy An
33	Nhà văn hóa thôn Phước Hậu	0,34	0,34			An Hiệp	Tuy An	Quyết định số: 335/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND huyện Tuy An
34	Nhà văn hóa thôn Tuy Dương	0,09	0,09			An Hiệp	Tuy An	Quyết định số: 197/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của UBND huyện Tuy An
35	Nhà văn hóa thôn Phú Xuân	0,15	0,15			An Hiệp	Tuy An	Quyết định số: 196/QĐ-UBND ngày 19/02/2016 của UBND huyện Tuy An

36	Nhà văn hóa thôn Phú Tân 1	0,10	0,10			An Cư	Tuy An	Thỏa thuận ranh giới quy hoạch số: 04/UBND ngày 29/2/2016 của UBND huyện Tuy An
37	Nhà văn hóa thôn Phước Lương	0,13	0,13			An Cư	Tuy An	Thỏa thuận ranh giới quy hoạch số: 05/UBND ngày 29/2/2016 của UBND huyện Tuy An
38	Nhà văn hóa thôn Tân Qui	0,12	0,12			An Hải	Tuy An	Quyết định số: 1283/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của UBND huyện Tuy An
39	Khu dân cư bên ngửa và sở thanh niên khu phố Long Bình	2,00	2,00			TT Chí Thạnh	Tuy An	Thông báo số: 166/TB-UBND ngày 03/7/2014 của UBND huyện Tuy An.
40	Khu dân cư đường Trần Rịa khu phố Long Bình	0,10	0,10			TT Chí Thạnh	Tuy An	Quyết định số: 466/QĐ-UBND ngày 27/4/2015 của UBND huyện Tuy An
41	Nhà văn hóa thôn Bình Hòa	0,12	0,12			An Dân	Tuy An	Quyết định số: 335/2014/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND huyện Tuy An
42	Nhà văn hóa thôn Long Uyên	0,60	0,60			An Dân	Tuy An	Quyết định số: 1747/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện Tuy An
43	Khu dân cư đồng Bà Bèo	0,60	0,60			An Dân	Tuy An	Thông báo số:113/TB-UBND ngày 16/4/2015 của UBND huyện Tuy An
44	Khép kín khu dân cư thôn Phú Hội	0,03	0,03			An Ninh Đông	Tuy An	Thông báo số: 203/TB-UBND ngày 01/7/2015 của UBND huyện Tuy An
45	Khép kín khu dân cư đằm Đồng Quao	0,74	0,74			An Ninh Đông	Tuy An	Thông báo số: 203/TB-UBND ngày 01/7/2015 của UBND huyện Tuy An
46	Khép kín khu dân cư thôn Phú Sơn	2,80	2,80			An Ninh Đông	Tuy An	Thông báo số: 244/TB-UBND ngày 16/9/2014 của UBND huyện Tuy An

47	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Long Hòa	0,05			0,05	An Định	Tuy An	Quyết định số: 1592/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 của UBND huyện Tuy An
48	Đập ông Tấn (giai đoạn 2)	2,00	2,00			An Thạch	Tuy An	Thông báo số: 839/TB-UBND ngày 30/11/2015 của UBND tỉnh Phú Yên
49	Khép kín KDC Hội tin khu vực nhà trẻ	0,26	0,26			An Thạch	Tuy An	Quyết định số: 839/QĐ-UBND ngày 02/06/2014 của UBND tỉnh Phú Yên
50	Khép kín KDC thôn Bình Phú 1, Hội tin	0,09	0,09			An Thạch	Tuy An	Quyết định số: 839/QĐ-UBND ngày 02/06/2014 của UBND tỉnh Phú Yên
51	Khép kín KDC thôn Bình Phú 2, Hội tin	0,02	0,02			An Thạch	Tuy An	Quyết định số: 839/QĐ-UBND ngày 02/06/2014 của UBND tỉnh Phú Yên
52	Khép kín KDC trước trường Lê Duẩn	0,06	0,06			An Thạch	Tuy An	Quyết định số: 839/QĐ-UBND ngày 02/06/2014 của UBND tỉnh Phú Yên
V	HUYỆN SÔNG HINH	980,02	980,01	0,01	0,00			
53	Công Ty Cổ phần Chăn Nuôi Thảo Nguyên Phú Yên	980,00	980,00			Sông Hinh	Sông Hinh	Quyết định số 2698/QĐ- UBND ngày 30/12/2015 quyết định chủ trương đầu tư của ủy ban tỉnh Phú Yên
54	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Phú Yên	0,02	0,01	0,01			Sông Hinh	Thông báo số 288/TB-UBND ngày 12/6/2013 của UBND tỉnh Phú Yên
VI	HUYỆN ĐỒNG XUÂN	108,78	108,69	0,09	0,00			
55	MR tuyến đường giao thông từ ĐT641 vào khu di tích lịch sử Chi bộ ĐCS đầu tiên ở Phú Yên	0,10	0,08	0,02		TT La Hai	Đồng Xuân	Thông báo chủ trương đầu tư số 27/TB-UBND huyện Đồng Xuân ngày 30/01/2013
56	Bến xe La Hai (đối diện NVH Long An)	0,50	0,50			TT La Hai	Đồng Xuân	Thông báo chủ trương đầu tư số 69/TB-UBND huyện Đồng Xuân ngày

								16/4/2012
57	Bãi tập kết vật liệu đúc cầu kiện phục vụ công trình đường giao thông tuyến Phú Yên - Gia Lai (thôn Phú Giang): 2 bãi	15,65	15,65			Phú Mỹ	Đồng Xuân	Thông báo thỏa thuận vị trí số 373/TB-UBND Ngày 25/5/2016 của UBND Tỉnh
58	Bãi tập kết vật liệu đúc cầu kiện phục vụ công trình đường giao thông tuyến Phú Yên - Gia Lai (thôn Phú Xuân A, Xuân Phước)	2,00	2,00			Xuân Phước	Đồng Xuân	Thông báo thỏa thuận vị trí số 373/TB-UBND Ngày 25/5/2016 của UBND Tỉnh
59	Bãi tập kết vật liệu đúc cầu kiện phục vụ công trình đường giao thông tuyến Phú Yên - Gia Lai (thôn Phú Tâm)	6,00	6,00			Xuân Quang 1	Đồng Xuân	Thông báo thỏa thuận vị trí số 373/TB-UBND Ngày 25/5/2016 của UBND Tỉnh
60	Bãi tập kết vật liệu đúc cầu kiện phục vụ công trình đường giao thông tuyến Phú Yên - Gia Lai (thôn Suối Cối)	2,00	2,00			Xuân Quang 1	Đồng Xuân	Thông báo thỏa thuận vị trí số 373/TB-UBND Ngày 25/5/2016 của UBND Tỉnh
61	Bãi tập kết vật liệu đúc cầu kiện phục vụ công trình đường giao thông tuyến Phú Yên - Gia Lai (thôn Phú Tiến)	3,00	3,00			xã Phú Mỹ	Đồng Xuân	QĐ số 1641/QĐ-UBND tỉnh ngày 31/8/2015 V/v QH phát triển GT; NQ 146/NQ-HĐND ngày 1/07/2014

62	Tuyến tránh trú bão Sông Cầu - Đồng Xuân GD 2 thuộc ĐT644	21,60	21,60			xuân Lãnh, phú mỡ	Đồng Xuân	QĐ số 1641/QĐ-UBND tỉnh ngày 31/8/2015 V/v QH phát triển GT
63	Hố chứa rác thải xã Xuân Sơn Nam	0,03	0,03			Xuân Sơn Nam	Đồng Xuân	Thông báo chủ trương đầu tư số 76/TB-UBND huyện Đồng Xuân ngày 10/4/2015
64	Nhà sinh hoạt cộng đồng Suối Trường	0,10	0,10			Xuân Quang 1	Đồng Xuân	Quyết định 3128/QĐ-UBND huyện Đồng Xuân V/v phê duyệt báo cáo KTKT và kế hoạch lựa chọn nhà thầu; chương trình 135 và phòng dân tộc
65	Niệm phật đường xã Xuân Sơn Nam	0,07	0,07			Xuân Sơn Nam	Đồng Xuân	Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND huyện Đồng Xuân về việc thu hồi đất sản xuất Nông nghiệp
66	MR chợ xã Đa Lộc	0,07		0,07		Đa Lộc	Đồng Xuân	Công văn số 94/UBND, ngày 9/2/2015 của UBND huyện Đồng Xuân về việc điều chỉnh đề án nhiệm vụ Quy hoạch Nông thôn mới
67	Trạm thủy văn Đa Lộc	1,00	1,00			Đa Lộc	Đồng Xuân	Thông báo số 120/TB-UBND ngày 12/3/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc thỏa thuận địa điểm xây dựng công trình: xây dựng 4 trạm thủy văn
68	Trạm thủy văn Xuân Quang 1	1,00	1,00			Xuân Quang 1	Đồng Xuân	Thông báo số 120/TB-UBND ngày 12/3/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc thỏa thuận địa điểm xây dựng công trình: xây dựng 4 trạm thủy văn

69	Bảo hiểm xã hội huyện Đồng Xuân	0,16	0,16			Thị trấn La Hai	Đồng Xuân	Căn cứ Quyết định số: 1256a/QĐ-BHXH ngày 30/10/2015 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam “V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Bảo hiểm xã hội huyện Đồng Xuân”.
70	Khu dân cư Long Thăng	1,90	1,90			Thị trấn La Hai	Đồng Xuân	QĐ số 1954/QĐ-UBND tỉnh ngày 9/10/2015 V/v Phê duyệt đồ án điều chỉnh, bổ sung QH chung xây dựng TT La Hai đến năm 2025
71	HTKT các điểm dân cư xã Xuân Phước	2,74	2,74			Xã Xuân Phước	Đồng Xuân	Thông báo số: 426/TB-UB ngày 09/12/2009 của UBND huyện Đồng Xuân "V/v chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng kỹ thuật các điểm dân cư thuộc trung tâm xã Xuân Phước
72	-HTKT khu dân cư Long Mỹ	1,45	1,45			Xuân Long	Đồng Xuân	Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND huyện
73	-Khép kín khu dân cư Dốc Thợ Nhì	0,53	0,53			Xuân Long	Đồng Xuân	QĐ 332/QĐ-NBND huyện ngày 28/1/2016 V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư
74	Cụm công nghiệp bên đá (Nhà máy phân vi sinh KCP, nhà máy đường đồng Xuân)	5,50	5,50			Thị trấn La Hai	Đồng Xuân	QĐ số 960/QĐ-UBND tỉnh ngày 04/06/2015 V/v triển khai Cụm CN; NQ 171 ngày 25/12/2105
75	Dự án Cụm công nghiệp Soi Nga	22,91	22,91			Xuân Lãnh	Đồng Xuân	QĐ số 960/QĐ-UBND tỉnh ngày 04/06/2015 V/v triển khai Cụm CN; NQ 171 ngày 25/12/2105
76	Cải tạo trạm bơm hiện có phục vụ Nhà máy đường Đồng Xuân	0,17	0,17			Thị trấn La Hai	Đồng Xuân	TB số 742/TB-UBND Tỉnh ngày 11/11/2012 V/v Chấp thuận đề nghị của GD sở XD về ĐC quy mô diện tích công trình

77	Trạm Biến áp 110 KV	0,50	0,50			Thị trấn La Hai	Đồng Xuân	Quyết định 7534/QĐ-BTC ngày 10/12/2014
78	Mở rộng trường mầm non Đa Lộc (phân trường thôn 5)	0,10	0,10			Đa Lộc	Đồng Xuân	QĐ số 1651/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2015 V/v Giao bổ sung nguồn vốn trái phiếu chính phủ GD 2012 - 2015
79	Mở rộng trường mầm non Đa Lộc (phân trường thôn 1)	0,05	0,05			Xã Đa Lộc	Đồng Xuân	QĐ số 1651/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2015 V/v Giao bổ sung nguồn vốn trái phiếu chính phủ GD 2012 - 2015
80	Mở rộng trạm y tế Xuân Quang 3	0,05	0,05			Xuân Quang 3	Đồng Xuân	Căn cứ Văn bản số: 387/UBND, ngày 05/6/2014 của UBND huyện Đồng Xuân Thỏa thuận kiến trúc quy hoạch công trình Trạm y tế xã Xuân Quang 3;
81	Kè chống sạt lở sản xuất và KDC dọc sông Kỳ Lộ - Đoạn bờ tả cầu La Hai mới đến nhà máy đường KCP	1,60	1,60			TT La Hai	Đồng Xuân	Số 163/BQLDA ngày 28/5/2015 V/v Đăng ký Công trình, Dự án có sử dụng đất
82	Nghĩa trang nhân dân huyện Đồng Xuân	18,00	18,00			Xuân Quang 2	Đồng Xuân	Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND huyện Đồng Xuân;
VII	HUYỆN PHÚ HÒA	103,94	93,94	10,00	0,00			
83	Công trình đường giao thông trục chính-hệ thống điện chiếu sáng	3,61	3,61			Hòa Quang Bắc	Phú Hòa	QĐ số 19/QĐ-HĐND ngày 29/10/2015 của HĐND tỉnh Phú Yên
84	Công trình hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư	2,30	2,30			Hòa Quang Bắc	Phú Hòa	QĐ số 19/QĐ-HĐND ngày 29/10/2015 của HĐND tỉnh Phú Yên

85	Công trình hệ thống thủy lợi Lỗ Chài 1(Bao gồm hệ thống đường ống dẫn nước)	20,83	20,83			Hòa Quang Bắc	Phú Hòa	QĐ số 19/QĐ-HĐND ngày 29/10/2015 của HĐND tỉnh Phú Yên
86	Công trình trụ sở điều hành	4,97	4,97			Hòa Quang Bắc	Phú Hòa	QĐ số 19/QĐ-HĐND ngày 29/10/2015 của HĐND tỉnh Phú Yên
87	Dự án trung tâm nghiên cứu và phát triển nông nghiệp công nghệ cao Phú Yên	3,00	3,00			Hòa Quang Bắc	Phú Hòa	QĐ số 2076/QĐ-HĐND ngày 28/10/2015 của HĐND tỉnh Phú Yên
88	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (giai đoạn 1)tổng diện tích quy hoạch 460 ha	38,85	38,85			Hòa Quang Bắc	Phú Hòa	QĐ số 19/QĐ-HĐND ngày 29/10/2015 của HĐND tỉnh Phú Yên
89	Cơ sở sản xuất chế biến hạt điều của công ty TNHH điều Đại hưng Phát	1,02	1,02			Hòa Quang Bắc	Phú Hòa	TB số 778/TB-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Phú Yên
90	Cụm công nghiệp Ngọc Sơn Đông	15,00	15,00			Hòa Quang Bắc	Phú Hòa	QĐ 1540/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Phú Yên
91	Khép kín khu dân cư (thổ mít)	0,50	0,50			Hòa Quang Nam	Phú Hòa	Quyết định 2254/ QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của UBND huyện Phú Hòa

92	Mở rộng nghĩa trang thôn Phong Hậu	2,00	2,00			Hòa Hội	Phú Hòa	Theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 13/2/2012 của UBND huyện Phú Hòa về phê duyệt đồ án xây dựng nông thôn mới xã Hòa Hội 2010-2020
93	Khép kín khu cư dọc 2 bên đường Phong Hậu- Nhất Sơn và sau lưng UBND xã	1,05	1,05			Hòa Hội	Phú Hòa	Theo Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 13/2/2012 của UBND huyện Phú Hòa về phê duyệt đồ án xây dựng nông thôn mới xã Hòa Hội 2010-2020
94	Khép kín khu dân cư trên nhà ông Mai Tấn Lộc	0,81	0,81			Hòa Thắng	Phú Hòa	Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 05/8/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc
95	Sân bãi thể thao	1,20		1,20		Hòa Định Tây	Phú Hòa	Thông báo số 192/TB-UBND ngày 22/3/2016 của UBND huyện Phú Hòa về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Định Tây.
96	Trường THCS	2,50		2,50		Hòa Định Tây	Phú Hòa	Thông báo số 192/TB-UBND ngày 22/3/2016 của UBND huyện Phú Hòa về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Định Tây.
97	Nhà văn hóa đa năng	0,25		0,25		Hòa Định Tây	Phú Hòa	Thông báo số 192/TB-UBND ngày 22/3/2016 của UBND huyện Phú Hòa về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Định Tây.

98	Trung tâm hành chính II của xã	1,30		1,30		Hòa Định Tây	Phú Hòa	Thông báo số 192/TB-UBND ngày 22/3/2016 của UBND huyện Phú Hòa về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Định Tây.
99	Khu vui chơi, giải trí	1,25		1,25		Hòa Định Tây	Phú Hòa	Thông báo số 192/TB-UBND ngày 22/3/2016 của UBND huyện Phú Hòa về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Định Tây.
100	QH chi tiết đường nội	0,85		0,85		Hòa Định Tây	Phú Hòa	Thông báo số 192/TB-UBND ngày 22/3/2016 của UBND huyện Phú Hòa về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Định Tây.
101	Điêm dân cư khu trung tâm II của xã	2,50		2,50		Hòa Định Tây	Phú Hòa	Thông báo số 192/TB-UBND ngày 22/3/2016 của UBND huyện Phú Hòa về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Định Tây.
102	Trạm Y Tế xã	0,15		0,15		Hòa Định Tây	Phú Hòa	Thông báo số 192/TB-UBND ngày 22/3/2016 của UBND huyện Phú Hòa về việc thống nhất chủ trương điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Định Tây.
VIII	HUYỆN TÂY HÒA	3,75	1,99	1,76	0,00			
103	Đội cảnh sát giao thông số 01	0,15	0,15			Hòa Phú	Tây Hòa	Thông báo số 176/TB-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Phú Yên V/v thỏa thuận địa điểm khu đất xây dựng

104	Đường liên xã từ thôn Tân Mỹ, xã Hòa Phú đến Gành Bà, xã Hòa Phong (đoạn từ thôn Mỹ Thạnh Đông I, xã Hòa Phong đến Gành Bà, xã Hòa Phong) , dài 3 km.	1,80	1,80			Hòa Phong- Hòa Phú	Tây Hòa	Quyết định số 1641/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh Phú Yên v/v phê duyệt QH phát triển GTVT tỉnh Phú Yên
105	Bia chiến công Cầu Cháy	0,06		0,06		Hòa Mỹ Đông	Tây Hòa	Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh Phú Yên V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Bia chiến công các trận đánh tiêu biểu ở tỉnh Phú Yên
106	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên dùng (đất dịch vụ buôn bán lâu dài sang đất ở) thôn Phước Nông- Phước Mỹ	0,75		0,75		Hòa Bình 1	Tây Hòa	Thông báo số 343/TB-UBND ngày 21/12/2015 của UBND huyện Tây Hòa v/v thống nhất chủ trương lập thủ tục CMTĐ SĐĐ từ đất chuyên dùng sang đất ở nông thôn
107	Khép kín KDC tại khu vực chợ Phú Thứ (chợ cũ) (Đấu giá)	0,95		0,95		TT Phú Thứ	Tây Hòa	Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh Phú Yên v/v phê duyệt danh mục đầu tư các dự án khép kín KDC nông thôn trên địa bàn huyện Tây Hòa
108	Hộ đạo Cao Đài chơn lý Phú Nhiêu	0,04		0,04		Hòa Mỹ Đông	Tây Hòa	Công văn số 5340/UBND-VX ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh Phú Yên.
IX	THÀNH PHỐ TUY HÒA	17		14	3			

109	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Đông Tác	17		14	3	Phú Đông	TP. Tuy Hòa	Quyết định số 15/QĐ-HĐND ngày 29/10/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh
-----	---	----	--	----	---	----------	-------------	---

Phụ lục số 02

DANH MỤC

CÁC DỰ ÁN. CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT; CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2016

(Không thực hiện thu hồi đất đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013)

(Kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND, ngày 15/7/2016 của HĐND tỉnh)

TT	Tên dự án. công trình	Nhu cầu diện tích đất cần sử dụng (ha)						Địa điểm thực hiện. dự án. công trình		Ghi chú
		Tổng diện tích	Trong đó					Xã. phường. thị trấn	Huyện. TX. TP	
			Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác			
Đất trồng lúa	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(7)	(8)	(9)	
	TỔNG CỘNG	173,22	33,65	20,35	41,26	7,15	91,16			
I	THỊ XÃ SÔNG CẦU	27,38	2,51	0,00	19,66	0,00	5,21			

CÔNG BÁO/Số 35+36/Ngày 17-8-2016

1	Chuyển mục đích từ đất RPH sang đất TMD (Khu du lịch sinh thái Hoàn Ngọc Bãi Trám)	24,21			19,16	5,05	Xuân Cảnh	Sông Cầu	- Hợp đồng thuê đất số 15/2015/HĐ/TĐ ngày 12/6/2015. - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 562860 - Giấy chứng nhận đầu tư mã số 2146011038 điều chỉnh lần 7 ngày 06/4/2016. - Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 của UBND tỉnh Phú Yên.
2	Tuyến đường ven vịnh Xuân Đài, thị xã Sông Cầu (đoạn từ Bãi tắm Bàn Than đến khu du lịch Nhất Tự Sơn)	1,00	0,50		0,50		Xuân Đài- Xuân Thành	Sông Cầu	Quyết định 28/QĐ-HĐND ngày 30/10/2015 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương dự án
3	Đường nội đồng	2,11	2,00			0,11	Xuân Thịnh	Sông Cầu	TB 1084 /TB-UBND chấp thuận đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch v/v giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và hồ sơ dự án các công trình dự án Trung ương, Ngân sách trên địa bàn thị xã
4	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Phú Yên	0,06	0,01			0,05		Sông Cầu	Thông báo số 288/TB-UBND ngày 12/6/2013 của UBND tỉnh
II	HUYỆN SƠN HÒA	61,04	0,01	0,01	18,50	7,15	35,38		
5	Sở chỉ huy cơ bản	18,50			18,50		Sơn Hà	Sơn Hòa	Công văn số 279/BCH-HC ngày 15/6/2015 của Ban CHQS huyện Sơn Hòa (QĐ 2836/QĐ-TM ngày 20/11/2011 của Bộ Tổng tham mưu)

1390/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 của UBND tỉnh Phú Yên.
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 17-8-2016

6	Nâng cấp, cải tạo QL25. đoạn Km58-km70 (Ea Cha Rang-krông Pa)	21,34				3,00	18,34	Ea Cha Rang	Sơn Hòa	Thông báo số 775/TB-UBND ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh Phú Yên V/v thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL 25 qua địa phận tỉnh Phú Yên
7	Nâng cấp, cải tạo QL25. đoạn Km58-km70 (Ea Cha Rang-krông Pa)	21,17				4,15	17,02	Krông Pa	Sơn Hòa	Thông báo số 775/TB-UBND ngày 29/12/2009 của UBND tỉnh Phú Yên V/v thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL 25 qua địa phận tỉnh Phú Yên
8	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Phú Yên	0,03	0,01	0,01			0,02		Sơn Hòa	Thông báo số 288/TB-UBND ngày 12/6/2013 của UBND tỉnh Phú Yên về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây trung hạ áp và vị trí trạm biến áp tỉnh Phú Yên
III	HUYỆN ĐÔNG HÒA	0,41	0,22	0,20	0,09	0,00	0,10			
9	Đất quốc phòng (lô cốt)	0,09			0,09			Hòa Hiệp Trung	Đông Hòa	Quyết định số 162/QĐ-QK. ngày 12/7/1999. của Quân khu Về vị trí công trình chiến đấu của Ban CHQS huyện Tuy Hòa. Công văn số 1549/BCH-HC. ngày tháng 4 năm 2015 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Yên “V/v rà soát các vị trí đất quốc phòng báo cáo đề nghị UBND các huyện đăng ký bổ sung Kế hoạch sử dụng đất quốc phòng năm 2015”;

CÔNG BÁO/Số 35+36/Ngày 17-8-2016

10	Đài tưởng niệm huyện Đông Hòa	0,20	0,20	0,20				Hòa Vinh	Đông Hòa	TB số 409a/TB-UBND ngày 28/10/2015 của UBND huyện Đông Hòa. Chấp thuận đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch về việc lập đề xuất chủ trương đầu tư đối với các công trình sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách huyện giai đoạn 2016-2020
11	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Phú Yên	0,12	0,02				0,10		Đông Hòa	Thông báo số 288/TB-UBND ngày 12/6/2013 của UBND tỉnh
IV	HUYỆN TUY AN	6,34	4,32	2,61	1,95	0,00	0,07			
12	Nhà văn hóa khu phố Trường Xuân	1,00	1,00	1,00				TT Chí Thạnh	Tuy An	Quyết định số: 1665/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND huyện Tuy An
13	Khép kín khu dân cư ruộng Hộ. KP Chí Đức	1,00	1,00	1,00				TT Chí Thạnh	Tuy An	Thông báo số: 61/TB-UBND ngày 10/3/2013 của UBND huyện Tuy An
14	Trường mầm non Phước Đồng	0,19			0,19			An Hải	Tuy An	Quyết định số: 1287/QĐ-UBND ngày 12/10/2015 của UBND huyện Tuy An
15	Khu Dân cư Phước Đồng	1,00			1,00			An Hải	Tuy An	Quyết định số: 871/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 của UBND huyện Tuy An
16	Khu dân cư thôn Xuân Lộc	0,50	0,50					An Xuân	Tuy An	Thông báo số: 236/TB-UBND ngày 11/11/2011 của UBND huyện Tuy An
17	Khu dân cư thôn Xuân Trung	0,08	0,08					An Xuân	Tuy An	Thông báo số: 238/TB-UBND ngày 11/11/2011 của UBND huyện Tuy An
18	Khu Tái định cư Nhơn Hội	0,76			0,76			An Hòa	Tuy An	Thông báo số: 62/TB-UBND ngày 01/4/2016 của UBND huyện Tuy An

132
CỘNG BẢO/Số 35+36/Ngày 17-8-2016

19	Nhà văn hóa và khu thể thao xã An Nghiệp	0,49	0,49	0,49				An Nghiệp	Tuy An	Quyết định số: 1335/QĐ-UBND ngày 22/9/2009 của UBND huyện Tuy An
20	Cửa hàng xăng dầu An Nghiệp	0,12	0,12	0,12				An Nghiệp	Tuy An	Quyết định số: 871/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của UBND tỉnh Phú Yên
21	Mở rộng UBND xã An Cư	0,43	0,43					An Cư	Tuy An	Thông báo số: 178/TB-UBND ngày 22/7/2013 của UBND huyện Tuy An
22	Trường mầm non thôn Phú Tân 2	0,39	0,39					An Cư	Tuy An	Thông báo số: 13/TB-UBND ngày 21/01/2013 của UBND huyện Tuy An
23	Mở rộng trường Huỳnh Thúc Kháng	0,30	0,30					An Hòa	Tuy An	Thông báo số: 382A/TB-UBND ngày 25/9/2015 của UBND huyện Tuy An.
24	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Phú Yên	0,08	0,01			0,07			Tuy An	Thông báo số 288/TB-UBND ngày 12/6/2013 của UBND tỉnh
V	HUYỆN SÔNG HINH	0,26	0,26	0,26	0,00	0,00	0,00			
25	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Chí thán xã Đức Bình Đông	0,26	0,26	0,26				Đức Bình Đông	Sông Hinh	TB số 19/TB-UBND ngày 21/01/2013 của UBND Huyện Cho chủ trương đầu tư
VI	HUYỆN ĐÔNG XUÂN	57,32	12,27	10,73	0,00	0,00	45,05			
26	Dự án thao trường huấn luyện tổng hợp của ban chỉ huy quân sự huyện Đồng Xuân	2,19	2,19	0,68				Xuân Quang 1	Đồng Xuân	Thông báo số: 266/TB-UBND ngày 03/6/2013 "V/v thỏa thuận địa điểm lập đầu tư xây dựng thao trường huấn luyện tổng hợp của ban chỉ huy quân sự huyện Đồng Xuân"

CÔNG BÁO/Số 35+36/Ngày 17-8-2016

27	Nâng cấp kênh tưới thuộc hệ thống thủy lợi hồ chứa nước Đồng Tròn (kênh T32, T34 thuộc kênh chính tây).	0,16	0,16	0,16				Xuân Sơn Nam	Đồng Xuân	Thông báo số: 388/TB-UBND ngày 13/6/2014 "V/v chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án thành phần: Nâng cấp kênh tưới thuộc hệ thống thủy lợi hồ Chứa nước đồng tròn, thuộc dự phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền trung- khoản vay vốn bổ sung (pha 2)"
28	Dự án Đường giao thông Trường Chinh nối dài(đoạn Lê Thành Phương đến kè sông Kỳ Lộ)	1,08	1,08	1,08				Thị Trấn La Hai	Đồng Xuân	Quyết định số: 1401/QĐ-UB ngày 20/6/2003 của UBND tỉnh Phú Yên "V/v duyệt nội dung thực hiện đầu tư dự án Đường nội thị số 3 (Đoạn từ đường số đến đường ĐT 641 dài 1247m) thị trấn La Hai - huyện Đồng Xuân.
29	Đập Dâng Suối Cối	0,32	0,32					Xuân Phước	Đồng Xuân	Thông báo số: 687/TB-UBND, ngày 21/11/2013 của UBND tỉnh Phú Yên "V/v Chấp thuận chủ trương đầu tư tiểu dự án nâng cấp đập dâng suối cầu và đường quản lý kết hợp giao thông nông thôn, thuộc dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung- khoản vay bổ sung (pha 2)"
30	Tuyến đường bộ nối hai tỉnh Phú Yên- Gia lai đoạn qua địa phận tỉnh Phú Yên (GD2)	45,27	0,24	1,04			45,03	Xuân Phước, xuân Quang 1	Đồng Xuân	Quyết định số: 2275/QĐ-UBND, ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Phú Yên "V/v Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp tuyến đường bộ nối hai tỉnh Phú Yên và Gia Lai đoạn qua địa phận tỉnh Phú Yên";
31	-Nâng cấp MR đường Trần Cao Vân đến đường Phan Lưu Thanh	0,60	0,60	0,60				La Hai	Đồng Xuân	TB thu hồi đất số 284/ TB-UBND ngày 15/10/2013 của UBND huyện

CÔNG BÁO/Số 35+166 ngày 17-8-2016

32	Kè Sông Kỳ Lộ	6,60	6,60	6,60				La Hai	Đồng Xuân	QĐ số 1783/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của UBND tỉnh "V/v Phê duyệt dự án đầu tư XDCT
33	-Kênh cầu máng Ồ Ồ thuộc trạm bơm điện Vực Lò thôn Triêm Đức (tưới 20ha lúa)	0,57	0,57	0,57				Xuân Quang 2	Đồng Xuân	TB số 246/TB-UBND ngày 31/07/2014 của UBND huyện Đồng Xuân
34	Trung tâm thể dục thể thao X.S.Nam	0,50	0,50					X.S.Nam	Đồng Xuân	QĐ số 681/QĐ-UBND, ngày 30/12/2015 V/v Giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2016
35	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Phú Yên	0,03	0,01				0,02		Đồng Xuân	Thông báo số 288/TB-UBND ngày 12/6/2013 của UBND tỉnh
VII	HUYỆN PHÚ HÒA	10,68	10,41	6,54	0,00	0,00	0,27			
36	Xây dựng nhà tượng niệm liệt sĩ. mở rộng nhà văn hóa (phía tây trụ sở xã)	0,20	0,20	0,20				Hòa Quang Nam	Phú Hòa	Quyết định 280/ QĐ – UBND ngày 13/2/2012 của UBND huyện Phú Hòa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch XDNTM giai đoạn 2010-2020 xã Hòa Quang Nam
37	Mở rộng đường bê tông	0,20	0,20	0,20				Hòa Quang Nam	Phú Hòa	Quyết định 2254/ QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của UBND huyện Phú Hòa
38	Xây dựng cầu. cống hợp	0,10	0,10	0,10				Hòa Quang Nam	Phú Hòa	Quyết định 280/ QĐ – UBND ngày 13/2/2012 của UBND huyện Phú Hòa về việc phê duyệt đồ án quy hoạch XDNTM giai đoạn 2010-2020 xã Hòa Quang Nam

CÔNG BÁO SỐ 35+36/N ngày 17/8/2016

39	Khép kín khu dân cư phía đông trường mẫu giáo (Nho Lâm)	0,20	0,20	0,20				Hòa Quang Nam	Phú Hòa	Quyết định 2254/ QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của UBND huyện Phú Hòa
40	Khép kín khu dân cư Núi Cam (ngã tư)	0,30	0,30	0,30				Hòa Quang Nam	Phú Hòa	Quyết định 2254/ QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của UBND huyện Phú Hòa
41	Khép kín khu dân cư trên nhà ông Lực	0,30	0,30	0,30				Hòa Quang Nam	Phú Hòa	Quyết định 2254/ QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của UBND huyện Phú Hòa
42	Trung tâm mua bán và trưng bày giới thiệu sản phẩm gỗ. ván ép và thiết bị gỗ cao cấp chuyên ngành vật liệu xây dựng của Tổ Hợp tác khai thác và chế biến gỗ Phú An	0,12	0,12	0,12				Hòa An	Phú Hòa	Thông báo số 563/TB-UBND ngày 12/8/2015 của UBND huyện Phú Hòa
43	Mở Rộng Nhà Kho Công Ty TNHH SX&TM Diêm Trang	0,05	0,05	0,05				Hòa An	Phú Hòa	TB số 714/TB-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh Phú Yên
44	Nâng cấp xây mới trường THCS Hòa An	0,06	0,06	0,06				Hòa An	Phú Hòa	QĐ số 276/QĐ-UBND ngày 13/02/2013 của UBND huyện Phú Hòa

1362
 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
 Số 35+36/Ngày 17-8-2016

45	Khép kín khu dân cư thôn Vĩnh Phú (khép kín khu dân cư xã Hòa An)	2,97	2,97	2,97			Hòa An	Phú Hòa	QĐ số 276/QĐ-UBND ngày 13 tháng 2 năm 2012 của UBND huyện Phú Hòa
46	Đấu giá quyền sử dụng đất thu tiền xây dựng cơ sở hạ tầng (khép kín khu dân cư phía nam trường Hòa An)	2,00	2,00	2,00			Hòa An	Phú Hòa	QĐ số 1691/QĐ-UBND ngày 09/09/2015 của UBND tỉnh Phú Yên
47	Đường nội thị thị trấn Phú Hòa đoạn từ G33-G32	0,30	0,30				TT Phú Hòa	Phú Hòa	QĐ số 5691/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND huyện Phú Hòa và QĐ 1310/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của UBND huyện Phú Hòa về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công-dự toán công trình: Nâng cấp đường nội thị thị trấn huyện Phú Hòa. đoạn từ G33-G32
48	Trụ sở làm việc liên đoàn lao động huyện Phú Hòa	0,24	0,24				TT Phú Hòa	Phú Hòa	QĐ số 5691/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND huyện Phú Hòa . QĐ 1053/QĐ-UBND về việc phê duyệt BC kinh tế kỹ thuật công trình: Trụ sở làm việc liên đoàn lao động huyện Phú Hòa)
49	Hạ tầng làng nghề chế biến bún Định Thành (Giai đoạn 2)	0,03	0,03				Xã Hòa Định Đông	Phú Hòa	QĐ số 3522/QĐ-UBND ngày 19/8/2013 của UBND huyện Phú Hòa về việc phê duyệt BC kinh tế kỹ thuật công trình: Hạ tầng làng nghề chế biến bún Định Thành xã Hòa Định Đông (giai đoạn 2)

50	Đất ở hộ nghèo	0,04	0,04	0,04				Thị Trấn Phú Hòa	Phú Hòa	Thông báo Kết luận của Đ/c Phạm Hoàng Nguyên (Phó Chủ tịch UBND huyện Phú Hòa) tại cuộc họp xét cấp đất ở cho hộ nghèo không có đất ở trên địa bàn huyện.
51	Đường vào làng nghề bó chổi Mỹ Thành	0,15	0,15					Hòa Thắng	Phú Hòa	Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 23/4/2009 của UBND huyện Phú Hòa về việc
52	Cửa hàng xăng dầu Hòa Trị của của Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Phú Yên	0,10	0,10					Hòa Trị	Phú Hòa	Quyết định số 73/TB-UBND ngày 14/01/2016 của UBND Tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Cửa hàng xăng dầu Hòa Trị
53	Trung tâm trưng bày và dịch vụ bảo hành, bảo trì xe ô tô thương mại Phú Yên	3,00	3,00					Hòa An	Phú Hòa	Công văn số 2629/UBND-ĐTĐXD ngày 02/6/2016 của UBND tỉnh
54	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Phú Yên	0,32	0,05				0,27		Phú Hòa	Thông báo số 288/TB-UBND ngày 12/6/2013 của UBND tỉnh
VIII	HUYỆN TÂY HÒA	2,22	2,04	0,00	0,00	0,00	0,18			
55	Đấu giá KDC dọc đường NB2 (N09C) kéo dài	1,40	1,40					TT Phú Thứ	Tây Hòa	Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh Phú Yên v/v phê duyệt danh mục đầu tư các dự án khép kín KDC nông thôn trên địa bàn huyện Tây Hòa

188
CỘNG HÒA VIỆT NAM
Số 35+36/Ngày 17-8-2016

56	Khép kín KDC dọc đường ĐT 1-1 và đường NB2-1 (N060 + N06P)	0,62	0,62					TT Phú Thứ	Tây Hòa	Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh Phú Yên v/v phê duyệt danh mục đầu tư các dự án khép kín KDC nông thôn trên địa bàn huyện Tây Hòa
57	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Phú Yên	0,20	0,02				0,18		Tây Hòa	Thông báo số 288/TB-UBND ngày 12/6/2013 của UBND tỉnh
XI	THÀNH PHỐ TUY HÒA	7,57	1,61	0,00	1,06	0,00	4,90			
58	Hạng mục đoạn đường chéo nối đường độc lập với lê duẩn thuộc dự án Tuyến đường từ phía bắc khu du lịch thuận thảo đến làng du lịch quốc tế ven biển	0,90			0,90			Bình Kiến	TP Tuy Hòa	Thông báo số 247/TB-UBND Ngày 11/4/2016 của UBND Tỉnh
59	Trung tâm thương mại dịch vụ, Showroom ô tô, khách sạn và Văn phòng cho thuê Dũng Tiến	1,60	1,60					Phường 5	TP Tuy Hòa	Báo cáo số 383/BC-SKHĐT-GS&TĐĐ ngày 28/6/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư
60	Thao trường huấn luyện cụm phường, xã TP. Tuy Hòa	5,02			0,16		4,86	Bình Kiến	TP Tuy Hòa	Thông báo số 5472/TB-UBND ngày 30/10/2015 của UBND thành phố Tuy Hòa

61	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Phú Yên	0,05	0,01				0,04		Tuy Hòa	Thông báo số 288/TB-UBND ngày 12/6/2013 của UBND tỉnh	140
----	--	------	------	--	--	--	------	--	---------	---	-----